TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2019
V/v: *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lộc Văn Bậu

Ông Đặng Quang Hoạch.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Mạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 280/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc: "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 78/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1974.
HKTT: Tổ K, ấp T, xã C, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.
Liên lạc: Ấp T, xã T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Anh Dương T, sinh năm: 1976.
HKTT: Tổ K, ấp T, xã C, huyện Trảng Bom, Đồng Nai
(chị N có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2019, biên bản làm việc ngày 17/4/2019, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/5/2019 và 11/6/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Dương T tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau nên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Thống Nhất (nay là huyện Trảng Bom) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 239 ngày 18/12/2002. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh Dương T thường xuyên ăn

nhậu, không chăm lo gia đình và anh chị đã ly thân 01 năm. Nay chị nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Dương T.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Dương Thanh B, sinh ngày 11/11/2003 và cháu Dương Thanh V, sinh ngày: 17/6/2009. Ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Dương T không có mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình giải quyết vụ án anh Dương T có trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị N tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau nên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Thống Nhất (nay là huyện Trảng Bom) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 239 ngày 18/12/2002. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã ly thân 02 năm. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Dương Thanh B, sinh ngày 11/11/2003 và cháu Dương Thanh V, sinh ngày: 17/6/2009. Ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng cho mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tố tụng:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chị Nguyễn Thị N và anh Dương T chung sống có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân, nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện. Về con chung: Cháu B, cháu V có nguyện vọng được sống cùng mẹ và anh T, chị N đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng và anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung và cấp dưỡng của chị N. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị N, anh T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:

Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Dương T, sinh năm: 1976, HKTT: Tổ K, ấp T, xã C, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ

Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Xét về thủ tục tố tụng:

Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của chị N, anh T và biên bản xác minh của Tòa án thể hiện: Chị N và anh T chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Thống Nhất (nay là huyện Trảng Bom) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 239 ngày 18/12/2002 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và ly thân 01 năm, đồng thời anh T đồng ý ly hôn với chị N. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng chị N với anh T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Dương Thanh B, sinh ngày 11/11/2003 và cháu Dương Thanh V, sinh ngày: 17/6/2009. Ly hôn, chị N và anh T đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, đồng thời cháu B và cháu V có nguyện vọng được sống cùng chị N; chị N cũng đang làm việc tại Công ty TNHH P với mức lương 6.000.000 đồng/tháng, nên có căn cứ giao hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T tự nguyện cấp dưỡng mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng, nhưng chị N chỉ yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị N.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị N, anh T phải chịu án phí theo quy định.

[5] Như nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 266, 267, 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 14, 15, 16, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Dương T.

2. Về con chung:

Giao hai con chung là cháu Dương Thanh B, sinh ngày 11/11/2003 và cháu Dương Thanh V, sinh ngày: 17/6/2009 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Dương T phải đóng góp cho chị Nguyễn Thị N tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày tuyên án 24/7/2019 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của anh Dương T. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thanh toán tiền cấp dưỡng hàng tháng, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị N đã nộp theo biên lai thu số 0006565 ngày 09/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Dương T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương